TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1553**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1267/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa các đương sự:

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 083089009588 cấp ngày 09/8/2021; Thường trú: 129/2 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: 23 B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1994; Căn cước công dân số: 091194017110 cấp ngày 30/5/2022; Thường trú: 129/2 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: 61/8 đường số A, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Ngọc T tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/9/2023.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không đạt được hạnh phúc. Nay ông bà xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về quan hệ con chung*: Hai bên có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N (sinh ngày 05/11/2023). Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Hữu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành và phát triển bình

thường. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2026.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: Hai bên xác nhận không có.

[4] *Về các vấn đề khác:* Hai bên xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Ngọc T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do UBND xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/9/2023 cho ông bà chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N (sinh ngày 05/11/2023). Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Hữu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành và phát triển bình thường. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2026.

Địa điểm thi hành: Tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích chính đáng của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên xác nhận không có.

- *Về nợ chung:* Hai bên xác nhận không có.

2. *Về lệ phí giải quyết việc dân sự:* Là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông H và bà T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông H và bà T đã nộp theo

Biên lai số 0003620 ngày 16 tháng 07 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV9 TP.HCM
- THADS TP.HCM
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Thị Thanh Mai